dà lǐ

# 大理

n. · Dali

## Example Sentences

tā zài dà lǐ zhù le yí ge xīng qī
她在大理住了一个星期。

She stayed in Dali for a week.

wǒ zài dà lǐ de péng yǒu gěi wǒ jì lái le yì běn shū
我在大理的朋友给我寄来了一本书。

My friend in Dali sent me a book.

zhè zhāng huà shì tā zài dà lǐ lǚ xíng shí mǎi de
这张画是她在大理旅行时买的。

She bought this painting while traveling in Dali.
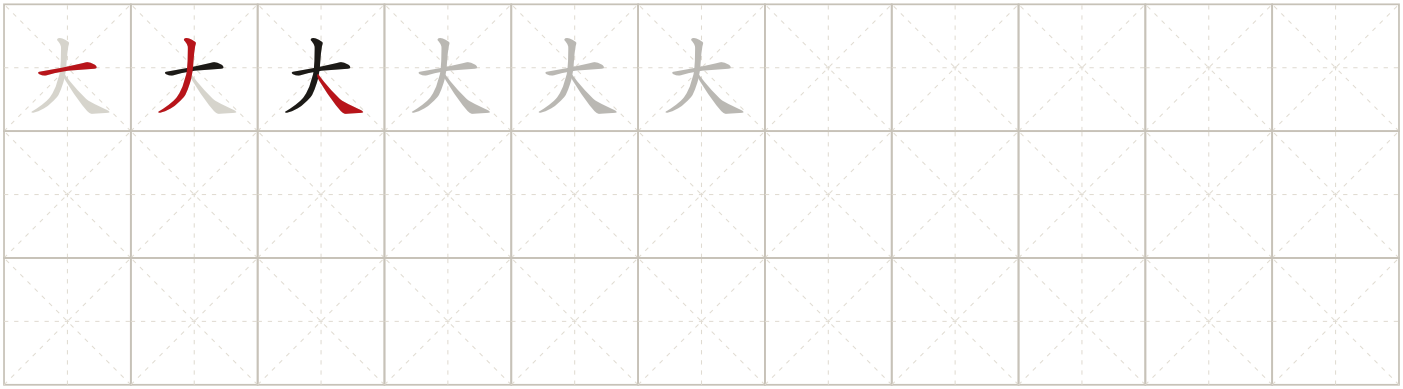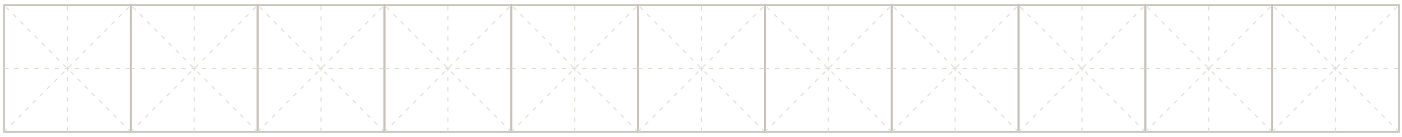
## Trace each character, then write the word on your own.